|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày … tháng … năm 2025* |

Dự thảo

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025);*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 39 của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các đối tượng sau:

a) Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ;

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ, có năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và tạo ra sản phẩm, dịch vụ mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Quy mô doanh nghiệp được xác định theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Năng lực hấp thụ công nghệ là khả năng của doanh nghiệp trong việc tiếp nhận, tiếp cận và hiểu biết công nghệ (từ bên ngoài hoặc nội sinh) và ứng dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh.

4. Năng lực làm chủ công nghệ là khả năng doanh nghiệp hiểu sâu, kiểm soát, cải tiến, nâng cấp hoặc nội địa hóa công nghệ đã tiếp nhận, nhằm tối ưu hóa cho mục tiêu sản xuất và đổi mới sáng tạo.

5. Sản phẩm khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ bao gồm: công nghệ, hàng hoá, dịch vụ và các hình thức khác được tạo ra từ kết quả khoa học và công nghệ mà doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả được hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, do tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí để thực hiện, không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

7. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức đánh giá, cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

**Điều 3. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Doanh nghiệp được sử dụng Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

3. Dự án sản xuất, kinh doanh các sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này là dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

4. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ thực hiện ưu đãi đầu tư và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; có hiệu lực trên toàn quốc.

**Chương II**

**CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện chung:

a) Được thành lập và đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

b) Tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định này từ một trong các kết quả khoa học và công nghệ được sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp, bao gồm:

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn được cấp văn bằng bảo hộ tại Việt Nam;

- Chương trình máy tính đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

- Giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận;

- Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được công nhận, nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc cấp tỉnh;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Điều kiện theo quy mô doanh nghiệp:

a) Đối với doanh nghiệp lớn:

a1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 1%;

a2) Có bộ phận nghiên cứu và phát triển với tối thiểu 10 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 5 nhân lực là người Việt Nam;

a3) Sản phẩm khoa học và công nghệ chiếm tối thiểu 20% tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất;

a4) Sản phẩm khoa học và công nghệ mang lại một trong các hiệu quả:

- Được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài;

- Được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định pháp luật;

- Chất lượng tương đương hàng nhập khẩu từ các thị trường tiên tiến: châu Âu, Hoa Kỳ hoặc Nhật Bản;

- Đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế về chất lượng hoặc môi trường;

- Tăng trưởng doanh thu từ sản phẩm khoa học và công nghệ đạt bình quân tối thiểu 10%/năm trong 3 năm gần nhất.

b) Đối với doanh nghiệp vừa:

b1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 0,5%;

b2) Có bộ phận nghiên cứu phát triển với tối thiểu 5 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên;

b3) Sản phẩm khoa học và công nghệ chiếm tối thiểu 15% tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất;

c) Đối với doanh nghiệp nhỏ:

c1) Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trung bình 3 năm gần nhất đạt tối thiểu 0,3%;

c2) Có tối thiểu 2 nhân lực nghiên cứu và phát triển, hoặc thuê từ 2 chuyên gia trở lên từ cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN;

c3) Có ít nhất 01 sản phẩm khoa học và công nghệ đang được thương mại hóa.

**Điều 5. Thẩm quyền quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo việc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ tới các cơ quan có liên quan đến việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Định kỳ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ vào nền tảng báo cáo trực tuyến do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

**Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Việc nộp hồ sơ thông qua hệ thống dịch vụ công theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo mẫu quy định tại Phụ lục của Nghị định này).

b) Văn bản công nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với công nghệ/kết quả khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này:

- Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoặc giấy phép chuyển giao công nghệ.

- Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật;

- Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng;

- Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

- Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.

c) Phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ: minh chứng việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 7. Quy trình thẩm định hồ sơ**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 5 kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

2. Trong thời hạn **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp theo Mẫu quy định tại Phụ lục Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ phức tạp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có thể xin ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ.

**Điều 8. Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;

b) Bổ sung danh mục sản phẩm trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Mẫu tại Phụ lục Nghị định này);

b) Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;

c) Phương án sản xuất kinh doanh đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm trên Giấy chứng nhận.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét việc cấp hoặc từ chối cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 9. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này thông báo cho doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không thực hiện chế độ báo cáo trong 03 năm liên tiếp theo quy định;

c) Doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp không tiếp tục được hưởng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi xâm phạm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ, kết quả khoa học và công nghệ đã kê khai trong hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Có các hành vi giả mạo nội dung hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Trường hợp bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp bị truy thu toàn bộ các khoản ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đã thụ hưởng cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ gửi văn bản thông báo đến các cơ quan liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và công khai việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cổng thông tin của cơ quan trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 10. Kinh phí thẩm định hồ sơ**

1. Kinh phí cho việc thẩm định hồ sơ để cấp, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Nội dung chi và mức chi được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

**Chương III**

**CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

**Điều 11. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển đến 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm; được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này. Đối với sản phẩm là dịch vụ hình thành từ chương trình máy tính phải được công nhận là dịch vụ mới để được hưởng ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế.

3. Các khoản tài trợ của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp khi có sản phẩm mới được cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp tục được hưởng mức, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như lần đầu cấp mới, tính từ thời gian được bổ sung sản phẩm vào danh mục.

5. Điều kiện, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý thuế.

**Điều 12. Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân**

Các khoản thu nhập từ từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người làm công tác nghiên cứu tại doanh nghiệp khoa học và công nghệ là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

**Điều 13. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước**

1. Dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, với mức áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

2. Đất sử dụng đất để xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm, đất xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng dùng chung để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thuê .

**Điều 14. Miễn, giảm thuế nhập khẩu**

1. Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ.

2. Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

**Điều 15. Ưu đãi đấu thầu**

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là nhà thầu được hưởng các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 10 của Luật đấu thầu.

**Điều 16. Ưu đãi tín dụng để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ và sản xuất kinh doanh**

1. Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, sản xuất, kinh doanh sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn.

a) Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có tài sản dùng để thế chấp theo quy định của pháp luật được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất vay đến 70% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại thực hiện cho vay;

b) Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án khoa học và công nghệ khả thi được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc bảo lãnh để vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

3. Các Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quy định quy chế cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, bảo đảm thuận lợi cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp cận.

4. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chí hỗ trợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ xem xét, cấp bảo lãnh tín dụng để vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ của Nhà nước. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Nhà nước về dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm hình thành từ công nghệ, kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường hợp sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm nhóm 2 khi chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

**Điều 18. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ**

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay tối đa 70% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại cho vay.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ tự đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi có kết quả được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ công nhận thì được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước; trường hợp kết quả có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh thì Nhà nước sẽ xem xét mua kết quả đó.

4. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được các cơ quan có thẩm quyền ưu tiên trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ để phát triển sản phẩm mới.

**Điều 19. Vinh danh doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được vinh danh khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

1. Có doanh thu hoặc lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;

2. Có sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng xuất khẩu;

3. Tham gia hỗ trợ, đầu tư kinh phí cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, dự án ươm tạo công nghệ góp phần phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

4. Thành lập, hoạt động hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình, thủ tục và thẩm quyền xét vinh danh doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Chương IV**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 20. Mục đích đánh giá**

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước để chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thúc đẩy doanh nghiệp thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

**Điều** **21. Nguyên tắc thực hiện đánh giá**

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, trung thực và chính xác.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị đánh giá.

**Điều 22. Nội dung đánh giá**

1. Ý nghĩa của nhiệm vụ.

2. Giá trị khoa học của kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Tác động và lợi ích mang lại đối với thực tiễn khi kết quả thực hiện nhiệm vụ được áp dụng.

4. Các nội dung khác phụ thuộc vào tính đặc thù của nhiệm vụ do Hội đồng quyết định.

**Điều 23. Cơ quan thực hiện đánh giá**

1. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của tổ chức có trụ sở chính đặt trên địa bàn tỉnh, thành phố hoặc cá nhân cư trú trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Việc thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định này.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 24. Trách nhiệm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc sở hữu, sử dụng công nghệ, kết quả khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Hằng năm, doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện việc báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục của Nghị định này) trên nền tảng trực tuyến của Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12.

**Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chương trình, đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức vinh danh, khen thưởng doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát trong việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hoạt động của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này; làm đầu mối giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; hàng năm tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về tình hình thực hiện Nghị định.

Cục Khởi nghiệp và doanh nghiệp công nghệ là cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuế, cơ quan tài chính các địa phương thực hiện ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Chương III Nghị định này.

2. Kiến nghị và đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền về giải pháp để tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 27. Trách nhiệm của các bộ, ngành**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Chỉ đạo Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, ngành thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Chương III Nghị định này.

**Điều 28. Trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

1. Tổ chức thực hiện chính sách tín dụng đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các chính sách ưu đãi tín dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Ban hành chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn và bố trí kinh phí thực hiện.

2. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan, các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có) thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

3. Ưu tiên cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuê đất, cơ sở hạ tầng; bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đang trong thời gian hưởng các ưu đãi, hỗ trợ, kể cả trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản đó; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này thì thực hiện thủ tục cấp thay đổi Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Nghị định này cho thời gian còn lại.

2. Việc xác định thời gian còn lại để hưởng ưu đãi được tính liên tục kể từ khi bắt đầu thực hiện ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Chương IV Nghị định này tiếp tục thực hiện theo các biểu mẫu, thủ tục quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BKHCN cho đến khi có văn bản khác thay thế.

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2025.

2. Nghị định số [13/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-80-2007-nd-cp-doanh-nghiep-khoa-hoc-cong-nghe-20237.aspx) ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 32. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, KGVX. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**    **Phạm Minh Chính** |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ |
| Mẫu số 02 | Phương án sản xuất kinh doanh |
| Mẫu số 03 | Phiếu đánh giá Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ |
| Mẫu số 04 | Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ |
| Mẫu số 05 | Đơn đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ |
| Mẫu số 06 | Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ |

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

***Kính gửi:***

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Email:

- Website:

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Họ và tên: Chức vụ:

- Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân: ............................. do..................... cấp ngày ... tháng ... năm

- Điện thoại: Email:

- Hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Số ..... ngày ..... tháng ..... năm ......., do..................... cấp.

- Loại hình doanh nghiệp:

5. Thông tin về công nghệ hoặc kết quả KH&CN

5.1. Thông tin về công nghệ:

- Tên công nghệ:

- Nguồn gốc tài chính:

- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/ nhận chuyển giao):

- Số đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ:

5.2. Thông tin về kết quả KH&CN:

- Tên kết quả:

- Nguồn gốc tài chính:

- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/ nhận chuyển giao):

- Văn bản công nhận kết quả KH&CN:

6. Danh mục các sản phẩm hình thành từ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ:

7. Phần cam đoan: Cam đoan những lời khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý về các nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ............*, ngày*….. *tháng*….. *năm* …..  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**CỦA DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………..…

1. Thông tin chung:

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

2. Mô tả công nghệ/kết quả KH&CN:

- Tính năng:

- Sơ đồ quy trình công nghệ:

- Các yếu tố công nghệ được tích hợp:

3. Năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp:

3.1. Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trong 3 năm gần nhất (bao gồm cả chi phí chuyển giao công nghệ) đạt tối thiểu 1% hoặc 1 tỷ đồng:

- Tổng doanh thu:

- Tổng chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tỷ lệ:

3.2. Có bộ phận nghiên cứu và phát triển: tối thiểu 05 người có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó có nhân lực là người Việt Nam, hoặc thuê từ 5 chuyên gia trở lên từ cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN:

- Tổng số người lao động:

- Danh sách nhân lực tham gia bộ phận nghiên cứu và phát triển:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Vị trí công tác |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Hợp tác với chuyên gia, viện, trường, tổ chức KH&CN (nếu có):

*(Liệt kê các hợp đồng, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác)*

3.3. Có hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận, cải tiến công nghệ để trực tiếp tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ đang được thương mại hóa bởi doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất (minh chứng bằng các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác nghiên cứu và phát triển,…)

4. Danh mục các sản phẩm hình thành từ công nghệ/kết quả KH&CN:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên công nghệ/kết quả KH&CN (quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định) | Danh mục sản phẩm hình thành từ hoạt động ứng dụng công nghệ/kết quả KH&CN | Ghi chú |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

5. Hiệu quả ứng dụng công nghệ/kết quả KH&CN (liệt kê theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định):

Đính kèm minh chứng nếu có (tài liệu mô tả, hợp đồng thử nghiệm, báo cáo kết quả, hình ảnh …)

6. Phương án phát triển công nghệ/kết quả KH&CN trong thời gian tới:

|  |  |
| --- | --- |
|  | …..…….. *, ngày*….. *tháng*….. *năm* …..  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 03**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Nghị định số …/2025/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2025 của Chính phủ)

**I. Thông tin chung:**

- Tên doanh nghiệp

- Mã số DN:

- Trụ sở chính:

- Điện thoại/Email:

- Người đại diện:

**II. Nội dung đánh giá hồ sơ:**

**1. Thành lập và đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp**:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: đăng ký lần đầu ngày. tháng. năm

- Tình trạng hoạt động:

**2. Thông tin về công nghệ/kết quả KH&CN:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên công nghệ/kết quả KH&CN | Văn bản công nhận (quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định) | Tình trạng hiệu lực của văn bản công nhận |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp:**

3.1. Tổng chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tổng doanh thu trong 3 năm gần nhất (bao gồm cả chi phí chuyển giao công nghệ) đạt tối thiểu 1% hoặc 1 tỷ đồng;

3.2. Có bộ phận nghiên cứu và phát triển: tối thiểu 05 người có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó có nhân lực là người Việt Nam, hoặc thuê từ 5 chuyên gia trở lên từ cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN;

3.3. Có hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận, cải tiến công nghệ để trực tiếp tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ đang được thương mại hóa bởi doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất.

**4. Hiệu quả ứng dụng công nghệ/kết quả KH&CN:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung tiêu chí | Kết quả đánh giá hồ sơ | Đáp ứng điều kiện |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| .. |  |  |  |

**5. Đánh giá**

 Đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận DNKHCN

Chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận DNKHCN, cần bổ sung các nội dung sau:

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ**

# **Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| *(Cơ quan cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ)* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số: ......../DNKHCN

*Cấp lần đầu: ngày .... tháng ... năm ...*

*Cấp thay đổi/ cấp lại lần thứ ...: ngày ... tháng ... năm ....*

Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số.......... ngày....... tháng ....... năm

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Danh mục sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công nghệ, kết quả KH&CN** | **Tên sản phẩm** |
| 1. |  |  |
| 2. |  |  |
| 3. | … | … |

*.........., ngày ....... tháng ...... năm ......*

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THAY ĐỔI NỘI DUNG/ CẤP LẠI**

**GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

***Kính gửi:***

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Email:

- Website:

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Họ và tên: Chức vụ:

- Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân: .................do..................... cấp ngày ... tháng ... năm

- Điện thoại: Email:

- Hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Số ..... ngày ..... tháng ..... *năm .....,* do................ cấp.

- Loại hình doanh nghiệp:

5. Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

- Cấp lần đầu số: ngày

- Cấp lại lần thứ.............................................ngày

**II. DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Lý do thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

2. Doanh nghiệp đề nghị thay đổi các nội dung sau trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

3. Trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ bổ sung Danh mục sản phẩm trên Giấy chứng nhận, doanh nghiệp kê khai các nội dung sau:

3.1. Thông tin về công nghệ hoặc kết quả KH&CN

a. Thông tin về công nghệ:

- Tên công nghệ:

- Nguồn gốc tài chính:

- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/ nhận chuyển giao):

- Số đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp nhận chuyển giao):

b. Thông tin về kết quả KH&CN:

- Tên kết quả:

- Nguồn gốc tài chính:

- Nguồn gốc hình thành (tự nghiên cứu/ nhận chuyển giao):

- Lĩnh vực

3.2. Danh mục các sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ cần bổ sung:

**III. DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung/ cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ...............*, ngày*….. *tháng*….. *năm* …..  **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | |
|  | |  | |

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ -------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Kỳ báo cáo: năm ...

(Từ ngày 01 tháng 01 năm ... đến ngày 15 tháng 12 năm ...)

Kính gửi:.................................

**I. Thông tin chung**

- Tên doanh nghiệp: .....................................................................................................

- Mã số doanh nghiệp: .................................................................................................

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Số điện thoại: ....................................... Fax: ............................................................

- Người đại diện *(họ và tên, số điện thoại, email): ..........................................................*

**II. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Đơn vị tính: Triệu đồng2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tình trạng *(đang hoạt động/ngừng hoạt động/ giải thể/ phá sản)*** | **Tình trạng sở hữu3** | **Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm** | | | | | | | | **Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN** | **Tổng doanh thu** | **Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN** | **Tăng trưởng doanh thu (so với năm liền kề)** | **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **Lợi nhuận trước thuế của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN** | **Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm** | **Tiền thuê đất được miễn, giảm** | **Vay vốn tín dụng ưu đãi5** | **Trích lập quỹ phát triển KH&CN** | **Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước6** | **Các ưu đãi, hỗ trợ khác *(mà doanh nghiệp được hưởng)*** | **Tổng số lao động *(người)*** | **Thu nhập bình quân tháng của người lao động** |
| Chi phí nhân sự R&D | Chi phí vật tư, nguyên vật liệu phục vụ R&D | Chi phí dịch vụ, chuyên gia, thuê ngoài phục vụ R&D | Chi phí sở hữu trí tuệ và pháp lý liên quan đến R&D | Khấu hao, chi phí tài sản phục vụ R&D | Chi phí quản lý, vận hành liên quan đến hoạt động R&D | Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách | Các khoản chi khác hợp lý, hợp lệ liên quan trực tiếp đến R&D |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Kiến nghị, đề xuất**

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trong báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp** *(ký, họ tên, đóng dấu)* |